

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy, vừa làm vừa học)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTK
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP. trực thuộc Trung ương và phân hiệu):
Số 666, Đường 3/2, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên – Thái Nguyên;
Tel: (84)2083847145; website: <https://www.tnut.edu.vn>; Email: office@tnut.edu.vn.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.tnut.edu.vn>.
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083.847.359 hoặc 0912.847.588
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:
 - <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>
 - <https://www.facebook.com/tnut.tuyensinh/>
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):
<https://www.tnut.edu.vn/blog/ba-cong-khai-16000000>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Là học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên; đáp ứng các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh dựa vào xét tuyển theo 4 phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mã xét tuyển: 100).

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT (Mã xét tuyển: 200).

Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) trên máy tính (Mã xét tuyển: 415).

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng thí sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mã xét tuyển: 301).

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

1.3.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

***. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Dựa vào điểm thi của thí sinh trong kỳ thi TN THPT năm 2025, Nhà trường sẽ xác định và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

***. Điểm xét tuyển:**

- **Điểm thi TN THPT 2025 = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3**

- **Điểm xét tuyển theo điểm thi TN THPT năm 2025 = Điểm thi TN THPT 2025 + điểm UT (nếu có)**

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

***. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).**

1.3.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

***. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Dựa vào kết quả học tập trong học bạ THPT theo các tổ hợp xét tuyển, Nhà trường sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

***. Điểm xét tuyển:**

- **Điểm học bạ = Điểm TB cả năm lớp 12 môn 1 + Điểm TB cả năm lớp 12 môn 2 + Điểm TB cả năm lớp 12 môn 3 + điểm UT (nếu có)**

- **Công thức quy đổi:** Điểm học bạ quy đổi tương đương = $a \cdot \text{Điểm xét tuyển theo điểm thi TN THPT năm 2025} + b$

- **Điểm xét tuyển quy đổi tương đương = $(\text{Điểm học bạ} - b)/a$**

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ a, b là các hệ số sẽ được Nhà trường công bố sau khi có phổ điểm điểm thi TN THPT 2025.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

***. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).**

1.3.3. Xét tuyển thẳng: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

1.3.4. Xét theo V-SAT trên máy tính

***. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Dựa vào kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) trên máy tính theo các tổ hợp xét tuyển, Nhà trường sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

***. Điểm xét tuyển:**

- **Điểm V-SAT = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3)/15 + Điểm UT (nếu có).**

- **Công thức quy đổi:** Điểm V-SAT quy đổi tương đương = $c \cdot \text{Điểm xét tuyển theo điểm thi TN THPT 2025} + d$

- **Điểm xét tuyển quy đổi tương đương = (Điểm V-SAT – d)/c**

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ c, d là các hệ số sẽ được Nhà trường công bố sau khi có phổ điểm điểm thi TN THPT 2025.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

***. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).**

***. Điểm trúng tuyển được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển.**

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ¹	Tên ngành, nhóm ngành ²	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.1	KTC	Cơ khí chế tạo máy	7520103	Kỹ thuật cơ khí	150	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ	

						hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
1.2	KTC1	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	7520103	Kỹ thuật cơ khí	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
2.1	KDO1	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
2.2	KDO2	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
3.1	CTO	Công nghệ	7510205	Công	250	Phương thức 1 (Tổ	

		kỹ thuật ô tô		nghe kỹ thuật ô tô		hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
3.2	CTO1	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	150	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
4.	KCT	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	340	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
5.1	CBM	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01;	

						C02; D01; D07) - Phương thức 4	
5.2	KVT	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	90	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
6.	KMT	Kỹ thuật máy tính	7480106	Kỹ thuật máy tính	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
7.	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	450	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
8.	KTD	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện	210	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01;	

						C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
9.	KXD	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
10.	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Kinh tế công nghiệp	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 4	Các tổ hợp: X05; X25 đối với thí sinh TN 2025; A10; D84 đối với thí sinh tự do
11.1	QLC	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 3 (Tổ	Các tổ hợp: X05; X25 đối với thí sinh TN 2025; A10; D84 đối

						hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 4	với thí sinh tự do
11.2	QLC1	Logistics	7510601	Quản lý công nghiệp	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 4	Các tổ hợp: X05; X25 đối với thí sinh TN 2025; A10; D84 đối với thí sinh tự do
12.	CTM	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
13.	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	350	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	

14.	KVL	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Kỹ thuật vật liệu	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
15.	KTM	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; B03; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; B03; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; B03; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
16.	NNA	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A01, D01, D07, D10, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A01, D01, D07, D10, D14, D15) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A01, D01, D07, D10, D14, D15) - Phương thức 4	
17.	CDK	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	450	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ	

						hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
18.	CTC	Công nghệ sản xuất tự động	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	100	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
19.	CTT	Tự động hóa cơ khí – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905218	Kỹ thuật cơ khí (CTTT)	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
20.	DTT	Kỹ thuật điện – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905228	Kỹ thuật điện (CTTT)	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
21.	KRB	Kỹ thuật Robot	7520107	Kỹ thuật Robot	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ	

						hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú các tổ hợp:

Tổ hợp A00: Toán, Lý, Hóa

Tổ hợp A01: Toán, Lý, Tiếng Anh

Tổ hợp A10: Toán, Lý, GD CD (Thí sinh tự do – đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025)

Tổ hợp B03: Toán, Văn, Sinh

Tổ hợp C01: Toán, Văn, Lý

Tổ hợp C02: Toán, Văn, Hóa

Tổ hợp D01: Văn, Toán, Tiếng Anh

Tổ hợp D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh

Tổ hợp D10: Toán, Địa, Tiếng Anh

Tổ hợp D14: Văn, Sử, Tiếng Anh

Tổ hợp D15: Văn, Địa, Tiếng Anh

Tổ hợp D84: Toán, GD CD, Tiếng Anh (Thí sinh tự do – đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025)

Tổ hợp X05: Toán, Lý, GD K T P L (Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025)

Tổ hợp X25: Toán, GD K T P L, Tiếng Anh (Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025)

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

1.5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Lấy điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu. Nếu các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách trúng tuyển thì thứ tự ưu tiên như sau: Ưu tiên điểm môn chính (Toán; riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh: tiếng Anh) trong tổ hợp ĐKXT.

1.5.2. Điểm cộng: Cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng theo quy định.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

TT	Nội dung	Thời gian		
		Đợt 1	Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu)	Đợt 3 (nếu còn chỉ tiêu)
1	Nhận hồ sơ xét tuyển	Trước 20/7/2025 (sơ	01/9-30/9/2025	10/10- 25/10/2025

		tuyển theo kết quả V-SAT)		
2	Thông báo kết quả xét tuyển		Trước 5/10/2025	Trước 28/10/2025
3	Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển trên phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bắt buộc đối với tất cả các thí sinh)	Theo quy định của Bộ GD&ĐT		
4	Thí sinh xác nhận nhập học	Theo quy định của Bộ GD&ĐT	Trước 10/10/2025	Trước 2/12/2025

Ghi chú:

Đối với xét tuyển theo V-SAT, thí sinh nộp hồ sơ về Trường theo thời gian quy định ở bảng trên.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT - Công chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

+ Bản sao công chứng kết quả đánh giá năng lực V-SAT năm 2025.

1.7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

Các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Điều 7 trong Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo

1.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển các đợt bổ sung: 20.000 đồng /01 nguyện vọng.

1.9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào

tạo. Giải quyết kịp thời các khiếu nại (nếu có) và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, có trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

1.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Học phí: Năm học 2024 - 2025: Từ 14.100.000 đồng đến 16.400.000 đồng/năm. Riêng đối với 02 chương trình tiên tiến, các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh: học phí được tính bằng 1,5 lần học phí chương trình đại trà.

Mức tăng và lộ trình tăng học phí các năm học tiếp theo của Trường căn cứ vào Quyết định hiện hành của Nhà nước (Nhà trường sẽ có thông báo sau).

1.11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	CTT	Tự động hóa cơ khí – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905218	Kỹ thuật cơ khí (CTTT)	Điểm thi TN THPT	15	0	18/30	15	11	18/30	
					Điểm học bạ THPT	15	2	20/30	15	6	20/30	
2.	DTT	Kỹ thuật điện – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905228	Kỹ thuật điện (CTTT)	Điểm thi TN THPT	15	3	18/30	15	12	18/30	
					Điểm học bạ THPT	15	6	20/30	15	8	20/30	
3.	KTC	Kỹ thuật cơ	7510103	Kỹ thuật cơ	Điểm thi	125	47	16/30	95	79	16/30	

		dẫn và vi mạch		viễn thông	Điểm học bà THPT	x	x	x	15	24	24/30	
7.2	KVT	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	Điểm thi TN THPT	45	26	16/30	30	18	16/30	
					Điểm học bà THPT	45	36	19/30	30	63	19/30	
8.	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi TN THPT	230	124	19/30	225	172	19/30	
					Điểm học bà THPT	230	243	22/30	225	382	22/30	
					Đánh giá V-SAT	x	x	x	10	0	x	
9.	KTM	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Điểm thi TN THPT	22	4	15/30	20	5	16/30	
					Điểm học bà THPT	23	5	18/30	20	11	18/30	
10.	KDO	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Điểm thi TN THPT	25	10	15/30	20	8	16/30	
					Điểm học bà THPT	25	22	19/30	20	22	19/30	
11	KRB	Kỹ thuật Robot	7520107	Kỹ thuật Robot	Điểm thi TN THPT	x	x	X	15	16	17/30	
					Điểm học	x	x	X	15	8	20/30	

				tô	Điểm học bà THPT	125	152	22/30	120	204	22/30	
					Đánh giá V-SAT	x	x	X	10	0	X	
17.1	QLC	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	Điểm thi TN THPT	45	27	15/30	45	20	16/30	
					Điểm học bà THPT	45	47	21/30	45	68	21/30	
17.2	QLC_TA	Nghiệp vụ ngoại thương	7510601	Quản lý công nghiệp	Điểm thi TN THPT	10	1	16/30	15	0	16/30	
					Điểm học bà THPT	15	0	21/30	10	0	21/30	
18.	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Kinh tế công nghiệp	Điểm thi TN THPT	25	11	16/30	25	8	16/30	
					Điểm học bà THPT	25	18	20/30	25	31	20/30	
19.	CTC	Công nghệ sản xuất tự động	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Điểm thi TN THPT	30	16	17/30	40	27	17/30	
					Điểm học bà THPT	30	39	21/30	30	46	20/30	
20.	CDK	Công nghệ kỹ thuật điều khiển	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển	Điểm thi TN THPT	200	167	19/30	280	221	19/30	
					Điểm học	200	184	22/30	170	268	22/30	

2. Tuyển sinh đào tạo đại học liên thông chính quy

2.1. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

2.1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: Theo kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp cao đẳng.

2.1.3. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Đại học	7520216	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	40
2.	Đại học	7510202	CTM	Công nghệ chế tạo máy	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	10
3.	Đại học	7510301	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	50
4.	Đại học	7510205	CTO	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	20

2.1.5. Ngưỡng đầu vào

Xét tuyển theo kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp cao đẳng: Thí sinh có kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp cao đẳng từ loại Trung bình trở lên.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2025 đến 30/11/2025
- Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng.
- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT - Công chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).
- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng, cao đẳng nghề.
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT.
- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.
- 02 ảnh 3x4.
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- **Điều kiện xét tuyển, thi tuyển:** Có bằng tốt nghiệp cao đẳng

2.1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

- Các đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh theo qui định. Điểm ưu tiên, khu vực tuyển sinh và đối tượng ưu tiên theo qui định hiện hành.

2.1.9. Lệ phí xét tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/01-30/2/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2025
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/4-30/6/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2025
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 16/7-30/11/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2025

2.2. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp đại học

2.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp một văn bằng đại học.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.2.3. Phương thức tuyển sinh: Thực hiện xét tuyển theo kết quả xếp loại của bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.

2.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Đại học	7510205	CTO	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	500	Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất	10

2.2.5. Ngưỡng đầu vào.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất xếp loại từ trung bình trở lên.

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Có một bằng tốt nghiệp đại học.

2.2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại liên lạc: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn;

Website: <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>

2.2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2025 đến 30/11/2025

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT – Công chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp văn bằng đại học thứ 1

- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT.

- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.

- 02 ảnh 3x4.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

2.2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Các đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh theo qui định. Điểm ưu tiên, khu vực tuyển sinh và đối tượng ưu tiên theo qui định hiện hành.

2.2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 01/01-30/02/2025 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2025
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 01/4-30/6/2025 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2025
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 16/7-30/11/2025 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2025

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học (với đối tượng tốt nghiệp THPT)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Là học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên; đáp ứng các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
-----	------------------	--------------------	--------------	---------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7520201	KTD	Kỹ thuật điện	200	Học bạ THPT	30
2	Đại học	7520216	TDH	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	200	Học bạ THPT	30
3	Đại học	7510301	CDT	Công nghệ KT điện, điện tử	200	Học bạ THPT	30
4	Đại học	7520320	KTM	Kỹ thuật môi trường	200	Học bạ THPT	12

1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Có tổng điểm trung bình chung học bạ THPT lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên (theo thang điểm 10), cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của năm thực hiện xét tuyển.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại liên lạc: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn;

Website: <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian tuyển sinh: Từ 01/01/2025 đến 30/11/2025.

- Hồ sơ tuyển sinh gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

+ Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, Học bạ THPT (sao chứng thực).

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Tổ hợp xét tuyển:

a. Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa	Mã tổ hợp: A00	Ưu tiên: Toán
b. Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: A01	Ưu tiên: Toán
c. Tổ hợp 3: Văn, Toán, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: D01	Ưu tiên: Toán
d. Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: D07	Ưu tiên: Toán
e. Tổ hợp 5: Toán, Văn, Lý	Mã tổ hợp: C01	Ưu tiên: Toán
f. Tổ hợp 6: Toán, Văn, Hóa	Mã tổ hợp: C02	Ưu tiên: Toán

Riêng ngành Kỹ thuật môi trường:

a. Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa	Mã tổ hợp: A00	Ưu tiên: Toán
----------------------------	----------------	---------------

- b. Tổ hợp 2: Toán, Văn, Sinh Mã tổ hợp: B03 Ưu tiên: Toán
c. Tổ hợp 3: Văn, Toán, Tiếng Anh Mã tổ hợp: D01 Ưu tiên: Toán
d. Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh Mã tổ hợp: D07 Ưu tiên: Toán
e. Tổ hợp 5: Toán, Văn, Lý Mã tổ hợp: C01 Ưu tiên: Toán
f. Tổ hợp 6: Toán, Văn, Hóa Mã tổ hợp: C02 Ưu tiên: Toán

1.8. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 25.000 đồng /01 thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/01-30/2/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2025
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/4-30/6/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2025
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 16/7-30/11/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2025

2. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học vừa làm vừa học

2.1. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

2.1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Xét tuyển theo kết quả xếp loại của bằng tốt nghiệp cao đẳng.

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu
----	------------------	--------------------	--------------	---------------------	--------------------------	---------------------------	----------

							(dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7520103	KTC	Kỹ thuật cơ khí	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	12
2	Đại học	7520216	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	20
3	Đại học	7520201	KTD	Kỹ thuật điện	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	15
4	Đại học	7510301	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	15

2.1.5. Ngưỡng đầu vào.

Bằng tốt nghiệp cao đẳng xếp loại từ Trung bình trở lên.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2025 đến 30/11/2025

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT - Công chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng, cao đẳng nghề.

- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.

- 02 ảnh 3x4.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

2.1.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

2.1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/01-30/2/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2025
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/4-30/6/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2025
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 16/7-30/11/2025 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2025

2.2. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp đại học

2.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- Thí sinh đã tốt nghiệp một văn bằng đại học.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả xếp loại của bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.

2.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7520103	KTC	Kỹ thuật cơ khí	500	Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất	10
2	Đại học	7520201	KTD	Kỹ thuật điện	500	Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất	10

2.2.5. Ngưỡng đầu vào

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất xếp loại từ trung bình trở lên.

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Có Bằng tốt nghiệp đại học.

2.2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại liên lạc: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn;

Website: <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>

2.2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2025 đến 30/11/2025

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT – Cổng chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.947.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp văn bằng đại học thứ nhất.

- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.

- 02 ảnh 3x4.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

2.2.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

2.2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 01/01-30/02/2025 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2025

		- Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2025
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 01/4-30/6/2025 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2025
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 16/7-30/11/2025 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2025 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2025

Thái Nguyên, Ngày 14 tháng 05 năm 2025

Cán bộ tuyển sinh



TS. Đặng Danh Hoàng

Điện thoại: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Trung Hải

